TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/HS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xoa

Ông Nguyễn Công Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N (không có tên gọi khác). Sinh ngày 02 tháng 10 năm 19xx, tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: K2xx/5 P, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Nhân viên chăm sóc xe. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nam. Con ông: Nguyễn Văn Đ *(sinh năm: 19xx)* và bà : Trần Thị S *(sinh năm: 19xx)*. Gia đình có 03 anh, em. Bị cáo là con thứ 02. Vợ: Lê Võ My T *(sinh năm: 19xx)*, có 01 con sinh năm 202x.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/02/2023 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thành L (không có tên gọi khác). Sinh ngày 27 tháng 02 năm 19xx, tại tỉnh Quảng Nam. Nơi ĐKHKTT: 25 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở: 134/14 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Con ông: Nguyễn Văn T *(sinh năm: 19xx)* và bà: Đặng Thị Thúy V *(sinh năm: 19xx)*. Gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là con

thứ 01. Có vợ đã ly hôn, có 02 người con *(con lớn sinh năm: 20xx, con nhỏ sinh năm: 20xx)*.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/02/2023 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). (Có mặt tại phiên tòa).

3. Quách Thế Q (không có tên gọi khác). Sinh ngày: 02 tháng 05 năm 19xx, tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: 219 H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Con ông: Quách H *(sinh năm: 19xx)* và bà: Nguyễn Thị C *(sinh năm: 19xx, chết năm 2023)*. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ: Trương Thị Mỹ T *(sinh năm: 19xx)*, có 03 người con *(con lớn sinh năm: 20xx, con nhỏ sinh năm: 20xx)*.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/02/2023 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Bà Lê Thị Mai H – Luật sư – Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị Ngọc M – sinh năm: 19xx. Nơi ĐKHKTT: Tổ 11, Ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đ. Nơi cư trú: 84 C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Mai Nguyên T – sinh năm: 19xx. Địa chỉ: K146/22 L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.(Vắng mặt).

3. Ông Văn Viết V – sinh năm: 19xx. Địa chỉ: Phòng 3xx, KCC Ex đường D, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong một vụ án khác). (Có mặt).

4. Ông Phan Thanh N – sinh năm: 20xx. Địa chỉ: 131 V, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

5. Ông Phạm Văn N – sinh năm: 20xx. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: 63 L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn V – sinh năm: 20xx. Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú hiện nay: 17 N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 15/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu kiểm tra hành chính quán Karaoke L K số 17 N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Qua kiểm tra phát hiện, bắt quả tang tại phòng VIP3 có Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q và Trần Thị Ngọc Mđang tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 đĩa sứ màu trắng, bên trên có dính chất bột màu trắng; 01 vỏ bao ni lông kích thước (7x4) cm bên trong có dính chất bột màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng được cuộn tròn hình ống hút có dính chất bột màu trắng bên trong. Lực lượng Công an tiến hành bỏ tất cả các đồ vật nêu trên vào 01 bao ni lông màu trắng, dán kín mép bỏ vào bì niêm phong, đặt ký hiệu: VIP3A.

- 01 điện thoại di động có chữ XPERIA, màu tím, số imel: 358545091 096430 gắn sim 0905584xxx của Nguyễn Văn N.

- 01 điện thoại di động loại Iphone, màu vàng, số imel 1: 3572750993 05374; số imel 2: 357275099667732 gắn sim 1: 0905121xxx và sim 2: 0911805xxx của Nguyễn Thành L.

- 01 điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, số imel: 35572609 7842901 gắn sim 0796777xxx của Quách Thế Q.

Theo Kết luận giám định số 143/KL-KTHS ngày 23/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ màu trắng, trong vỏ bao nilông kích thước (7x4)cm, trên tờ tiền mệnh giá 20.000đồng được cuộn tròn hình ống hút trong mẫu niêm phong ký hiệu Vip3 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine.

Quá trình điều tra, N, L, Q và M khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 17 giờ ngày 14/02/2023, N uống bia cùng với L, Q và một số người bạn. Sau đó, những người bạn về trước, chỉ còn N, L và Q. Ba người nảy sinh ý định đi hát karaoke và sử dụng ma túy nên đã bàn bạc và thống nhất: L đưa trước cho N 1.000.000 đồng để góp tiền mua ma tuý; N gặp H *(chưa xác định được lai lịch)* biết người này có chỗ mua ma tuý nên nhờ mua giúp 02 viên thuốc lắc và 01 chỉ Ketamine với giá 2.300.000đồng, N trả trước 1.000.000đồng, số tiền còn lại thì sau khi hát karaoke xong L sẽ thanh toán rồi hôm sau N và Q góp tiền trả lại.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, N, L và Q đến nhận phòng VIP3 quán

Karaoke L K số 17 N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. N lấy 01 viên thuốc lắc bẻ ra làm 02, N sử dụng một phần, đưa cho L một phần. Viên thuốc lắc còn lại thì N để ra bàn. N lấy chiếc đĩa có sẵn trong phòng đổ ketamine ra, dùng thẻ nhựa nghiền nát, chia thành nhiều đường để sử dụng. N đưa cho Q tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn lại thành ống hút để hút ma tuý. Lúc này, Q gọi rủ M đến chơi và sử dụng ma tuý. Q lấy 01 viên thuốc lắc bẻ ra sử dụng một phần, một phần đưa cho M sử dụng. Cả nhóm tự lấy ketamine trên đĩa sử dụng. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 15/02/2023 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu phát hiện, bắt quả tang như trên.

Theo Kết luận giám định số 194/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn N ký hiệu A1; Nguyễn Thành L ký hiệu A2; Quách Thế Q ký hiệu A3; Trần Thị Ngọc M ký hiệu A4 gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy loại MDMA, Ketamine.

Theo Kết luận giám định số 241/KL-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Không phát hiện dấu vết đường vân trên 01 (một) tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng;

- Dấu vết đường vân cần giám định ký hiệu A1 đến A6 không đủ yếu tố giám định.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q đều khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định, kết quả xét nghiệm nước tiểu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Xử lý vật chứng:

Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu để bảo quản, chờ xử lý:

- 01 đĩa sứ màu trắng; 01 vỏ bao ni lông kích thước (7x4)cm; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

- 01 điện thoại di động có chữ XPERIA, màu tím, số imel: 358545091096430 gắn sim 0905584xxx.

- 01 điện thoại di động loại Iphone, màu vàng, số imel 1: 357275099305374; số imel 2: 357275099667732 gắn sim 1: 0905.121.xxx và sim 2: 0911805xxx.

- 01 điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, số imel: 35572609784 2901 gắn sim 0796777xxx.

Lưu theo hồ sơ vụ án: 07 danh chỉ bản của Nguyễn Văn N, Nguyễn

Thành L, Quách Thế Q, Trần Thị Ngọc M, Phan Thanh N, Phạm Văn N, Nguyễn Văn V hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 241/KLMT-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng (mẫu giám định đường vân).

* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q theo Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 20/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và đề nghị:

- Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 07 năm tù đến 8 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 07 năm tù đến 8 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quách Thế Q từ 07 năm tù đến 8 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Do các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản nên đề nghị không áp dụng khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 vỏ bao ni lông kích thước (7x4)cm;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng;

+ Đối với 03 điện thoại di động

- 01 điện thoại di động có chữ XPERIA, màu tím, số imel: 358545091 096430 gắn sim 0905.584.xxx thu giữ của bị cáo N là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo N.

- 01 điện thoại di động loại Iphone, màu vàng, số imel 1: 357275099305374; số imel 2: 357275099667732 gắn sim 1: 0905.121.xxx và sim 2: 0911.805.xxx thu giữ của bị cáo L là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo L.

- 01 điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, số imel: 35572609784 2901gắn sim 0796.777.xxx thu giữ của bị cáo Q là công cụ, phương tiện liên

quan đến việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 07 danh chỉ bản của Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q, Trần Thị Ngọc M, Phan Thanh N, Phạm Văn N, Nguyễn Văn V hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 241/KLMT-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng (mẫu giám định đường vân).

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng người, đúng tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N phát biểu quan điểm: Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ già, con mới sinh được 4 tháng tuổi, vợ không có việc làm ổn định. Ngoài ra, gia đình bị cáo có Bà ngoại dì là liệt sỹ Trần Thị T, Dì bị cáo là bà Nguyễn Thị Kim C là thương binh hạng 3/4, chồng của bà C là ông Hoàng T (cán bộ trung, cao cấp) là người có công trong việc bảo tồn di tích tại rừng bán đảo Sơn Trà. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo văn bản Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ Số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, do bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quy trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 15/02/2023, tại phòng VIP3 quán Karaoke L K số 17 N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L và Quách Thế Q đã có hành vi cùng bàn bạc và thống nhất góp tiền mua ma tuý, thuê phòng VIP3 để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma tuý. L đưa trước cho N 1.000.000 đồng để mua ma tuý, sau khi nghỉ L sẽ trả hết tiền mua ma tuý và thanh toán tiền phòng karaoke, ngày hôm sau N và Q trả lại; cả 03 người cùng đến thuê phòng tại quán karaoke; N liên hệ mua ma tuý, tại quán N bẻ 01 viên thuốc lắc, đưa cho L một nửa để sử dụng, lấy đĩa, thẻ nhựa nghiền, phân ma tuý ra nhiều đường cho mọi người sử dụng; Q đã gọi điện thoại rủ Trần Thị Ngọc M đến sử dụng ma tuý, quấn tờ tiền thành ống hút để cả nhóm cùng hút ma tuý, bẻ nửa viên thuốc lắc đưa cho M sử dụng.

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L và Quách Thế Q phải chịu trách nhiệm về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" Ketamine nhiều người (đối với 02 người trở lên).

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và của người chứng kiến, cùng các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L và Quách Thế Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của vụ án thì thấy: Các bị cáo đều là những thanh niên biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy được trước các tác hại của tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện. Như vậy, hành vi của các bị cáo chỉ có thể được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích của các bị cáo là mong muốn đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu tính mạng, sức khoẻ và trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, sau khi uống bia, các bị cáo đều nảy sinh ý định đi hát karaoke và cùng nhau thoả thuận việc góp tiền, mua ma tuý và tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, các bị cáo cùng đồng thực hành hành vi phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công rõ ràng giữa các bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần xét xử các bị cáo mức hình phạt như nhau là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử sẽ căn cứ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình

Đối với bị cáo Q có hoàn cảnh gia đình vợ thuộc diện hộ nghèo, con còn nhỏ, vợ mới sinh con là những tình tiết để Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thống nhất với Viện kiểm sát cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Đối với quan điểm của Luật sư - người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo N, hoàn cảnh gia đình, bản thân bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo, bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với hành vi phạm tội của bị cáo N thuộc khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" là phạm tội rất nghiêm trọng. Bị cáo N cùng các bị cáo L, Q đã có hành vi cùng nhau bàn bạc và thống nhất góp tiền, mua ma tuý, thuê phòng để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma tuý, cùng đồng thực hành hành vi phạm tội, bị cáo Nam là người trực tiếp liên lạc mua ma túy, không phải vị trí, vai trò thứ yếu vụ án đồng phạm. Hội đồng xét xử đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không

có căn cứ để áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N nên không áp dụng.

Bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ mới sinh, Bà ngoại dì là liệt sỹ, Dì ruột là thương binh hạng 3/4 không phải căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không thỏa mãn các điều kiện để áp dụng cũng như thi hành hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

8.1. Đối với các vật chứng:

- 01 đĩa sứ màu trắng; 01 vỏ bao ni lông kích thước (7x4)cm; là phương tiện phạm tội không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

- 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng: cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là có căn cứ.

8.2. Đối với các vật chứng:

- 01 điện thoại di động có chữ XPERIA, màu tím, số imel: 358545091 096430 gắn sim 0905.584.xxx thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N.

- 01 điện thoại di động loại Iphone, màu vàng, số imel 1: 357275099305374; số imel 2: 357275099667732 gắn sim 1: 0905.121.xxx và sim 2: 0911.805.xxx thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành L.

Xét thấy, 02 (hai) điện thoại di động trên là các bị cáo là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, số imel: 35572609784 2901 gắn sim 0796.777.xxx thu giữ của bị cáo Quách Thế Q.

Xét thấy, điện thoại di động trên bị cáo Q sử dụng vào việc phạm tội (điện cho M đến karaoke để sử dụng ma tuý), đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là có căn cứ.

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 8 năm 2023.

* Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 07 danh chỉ bản của Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q, Trần Thị Ngọc M, Phan Thanh N, Phạm Văn N, Nguyễn Văn V hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 241/KLMT-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng (mẫu giám định đường vân).

[9] Đối với:

- Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q và Trần Thị Ngọc M có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, Công an quận Hải Châu đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối tượng tên H, có hành vi mua giúp chất ma tuý nhưng hiện chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Nguyễn Mai Nguyên T là chủ hộ kinh doanh quán karaoke L K, ông T và toàn bộ nhân viên quán không biết, không tham gia tổ chức cho nhóm của N sử dụng ma tuý. Tuy nhiên ông T để xảy ra tình trạng sử dụng trái phép chất ma tuý tại cơ sở kinh doanh của mình là vi phạm theo nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình nên Ủy ban nhân dân quận Hải Châu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 15/2/2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L: 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 15/2/2023.

- Xử phạt bị cáo Quách Thế Q 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 15/2/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

** Tịch thu và tiêu hủy:*

- 01 đĩa sứ màu trắng; 01 vỏ bao ni lông kích thước (7x4)cm.

** Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:*

- 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

- 01 điện thoại di động có chữ Samsung, màu vàng, số imel: 35572609784 2901 gắn sim 0796.777.xxx thu giữ của bị cáo Quách Thế Q.

** Trả lại* :

- Cho bị cáo Nguyễn Văn N: 01 điện thoại di động có chữ XPERIA, màu tím, số imel: 358545091 096430 gắn sim 0905.584.xxx

- Cho bị cáo Nguyễn Thành Long 01 điện thoại di động loại Iphone, màu vàng, số imel 1: 357275099305374; số imel 2: 357275099667732 gắn sim 1: 0905.121.xxx và sim 2: 0911.805.xxx.

Toàn bộ các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 8 năm 2023.

* Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 07 danh chỉ bản của Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q, Trần Thị Ngọc M, Phan Thanh N, Phạm Văn N, Nguyễn Văn V hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 241/KLMT-KTHS ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an TP Đà Nẵng (mẫu giám định đường vân).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành L, Quách Thế Q mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt (hoặc niêm yết) bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND Q.Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an Q. Hải Châu;
- Chi cục THA DS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Anh